BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kinh tế xây dựng

Khoá học: 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Kinh tế và quản lý xây dựng	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Kiến trúc – Công trình	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-kien-truc-cong-trinh	
Tên văn bằng	
Kỹ sư	
Mã ngành đào tạo	
7580301	
Điều kiện tuyển sinh	
Chuyên ngành Kinh tế và quản lý xây dựng tuyển sinh theo những phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ) - Các phương thức khác theo quy định tuyển sinh được Nhà trường công bố hằng năm.	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	**Thời gian đào tạo**	**Hình thức đào tạo**	**Thời gian bắt đầu áp dụng**	**Phương thức đào tạo**

Kỹ sư Kinh tế Xây dựng	4 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	1			1	
2	Phó Giáo sư	5			5	
3	Tiến sĩ	1			1	
4	Thạc sĩ	2			2	
5	Cử nhân			1	1	
TỔNG CỘNG		9		1	10	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Tại các doanh nghiệp xây dựng, chủ đầu tư: chuyên viên lập, thẩm tra, thẩm định dự án, dự toán xây dựng; chuyên viên đấu thầu; hợp đồng, thanh quyết toán, quản lý khối lượng, chi phí, vật tư, kế hoạch, kế toán, tổ chức thi công, quản lý công trường, quản lý dự án.
- Các công ty tư vấn xây dựng: chuyên viên tư vấn dự án, dự toán, khối lượng, định mức, đơn giá, đấu thầu, hợp đồng.
- Lĩnh vực kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm: chuyên viên kiểm toán tài chính xây dựng; chuyên viên thẩm định dự án tại ngân hàng thương mại hoặc công ty bảo hiểm liên quan đến tín dụng, bảo hiểm xây dựng.
- Tại các cơ quan quản lý nhà nước: cán bộ quản lý đầu tư xây, thanh tra xây dựng, kiểm toán viên tại các Bộ, các Sở, phòng ban liên quan đến đầu tư xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước (chính quyền các cấp).
- Đối với lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy: nghiên cứu viên lĩnh vực Kinh tế xây dựng, quản lý xây dựng ở các viện nghiên cứu, giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng, trường nghề có chuyên ngành liên quan.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phương Đông là sự tích hợp hài hòa giữa hệ giá trị phương Đông và phương pháp khoa học phương Tây (East Values - West Methods),

nhằm nuôi dưỡng những con người có tinh thần nhân văn, tư duy độc lập, năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng và ý thức trách nhiệm xã hội.

- ***Giá trị phương Đông*** được xem là nền tảng hình thành nhân cách người học, bao gồm tinh thần nhân văn, đạo đức, sự tôn trọng tri thức, ý thức cộng đồng và sự bền bỉ trong học tập. Đây là yếu tố tạo nên chiều sâu văn hóa và bản sắc của Nhà trường.

- ***Phương pháp khoa học phương Tây*** là cách tiếp cận giáo dục hiện đại mà Nhà trường vận dụng, bao gồm tư duy phản biện, học tập qua trải nghiệm, tiếp cận liên ngành, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và môi trường học thuật cởi mở.

Sự kết hợp giữa hai yếu tố này nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo những con người phát triển toàn diện, vừa có nền tảng đạo đức vững chắc, vừa có năng lực tư duy và sáng tạo, có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và đóng góp tích cực cho xã hội.

4b. Mục tiêu của CTĐT

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế xây dựng, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý xây dựng nhằm đào tạo kỹ sư có năng lực chuyên môn vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, tự chủ và trách nhiệm với xã hội; có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kỹ thuật xây dựng (trọng tâm là công trình dân dụng và công nghiệp), kinh tế và quản lý, có năng lực chuyên môn sâu về kinh tế và quản lý xây dựng, có khả năng thích ứng và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế xây dựng và Quản lý xây dựng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Chương trình được thiết kế theo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng, giúp người học có khả năng học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và đóng góp tích cực cho xã hội. Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường; đồng thời đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục Đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:

PLO 1	Kiến thức chung và nền tảng: Vận dụng kiến thức toán học, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý xây dựng.
PLO 2	Kiến thức cơ sở ngành: Vận dụng được các kiến thức cơ sở phục vụ việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và làm cơ sở để học nâng cao.
PLO 3	Kiến thức chuyên ngành: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành về kinh tế xây dựng, quản lý xây dựng để đáp ứng hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.
PLO 4	Kỹ năng nghề nghiệp: Thực hiện được các kỹ năng chuyên môn vào giải quyết các nhiệm vụ theo yêu cầu công việc của ngành kinh tế xây dựng trong các doanh nghiệp xây dựng, các dự án đầu tư xây dựng.

Kỹ năng:	
PLO 5	Giao tiếp & Hội nhập: Sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng điều phối để làm việc trong môi trường đa ngành và quốc tế.
PLO 6	Công nghệ & Chuyển đổi số: Tích hợp các công cụ số, phần mềm chuyên ngành trong thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin trong các công việc chuyên môn.
PLO 7	Tổ chức và quản lý công việc: Thực hiện được các kỹ năng lập kế hoạch, kiểm tra, đánh giá, giám sát, quản lý và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, có kỹ năng phối hợp liên ngành trong hoạt động chuyên môn.
PLO 8	Tư duy phản biện: Phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn dựa trên tư duy phản biện và tiếp cận đa ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Đạo đức & Trách nhiệm: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội.
PLO 10	Tự học & Thích ứng: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời, tự nghiên cứu và thích ứng với môi trường nghề nghiệp.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi trong nước và quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội

  + Nước ngoài: Đại học Quốc gia Singapore - NUS và Đại học Loughborough, Vương quốc Anh

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 155 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0			BB	Không		
2	1	MAT710004	Toán cao cấp	3	45	45	0			BB	Không		
3	1	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30	0			BB	Không		
4	1	ECO721003	Kinh tế học đại cương	3	45	45	0			BB	Không		
5	2	POL710002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0			BB			
6	2	FOS710001	Anh văn 1	3	60	30	30			BB	Không		
7	2	ITE710001	Kỹ năng số	2	60	0	60			BB	Không		
8	2	ITE710002	Khám phá AI	2	60	0	60			BB			
9	2	ARP721004	Hình họa và vẽ kỹ thuật	3	45	45	0			BB	Không		
10	3	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0			BB			
11	3	FOS710002	Anh văn 2	3	60	30	30			BB	Anh văn 1		
12	3	ARP721030	Cấu tạo kiến trúc và bài tập lớn	3	60	30	30			BB			...
13	3	BCE721055	Cơ học công trình xây dựng	3	45	45	0			BB			Không
14	3	BCE721026	Vật liệu xây dựng	2	30	30	0			BB	Không		
15	3	SPO760001	Giáo dục thể chất	3	-	-	-			BB	Không		
16	4	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0			BB	POL710003		
17	4	FOS710003	Anh văn 3	3	60	30	30			BB	Anh văn 2		
18	4	BCE731027	Địa chất và nền móng công trình	3	45	45	0			BB	Không		
19	4	MAT710005	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	30	30	0			BB			MAT710004
20	4	CMA721001	Mô hình toán kinh tế	2	30	30	0			BB			MAT710004

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
21	4	CMA731002	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	30	30	0			BB	Không		
22	5	POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0			BB			POL710004
23	5	FOS710004	Anh văn 4	3	60	30	30			BB	Anh văn 3		
24	5	MIL760001	Giáo dục quốc phòng và an ninh	11	-	-	-			BB	Không		
25	5	BCE721012	Máy và thiết bị thi công xây dựng	2	30	30	0			BB	Không		
26	5	BCE721025	Kết cấu bê tông cốt thép và bài tập lớn	4	75	45	30			BB	Không		
27	6	FOS710005	Anh văn 5	3	60	30	30			BB	Anh văn 4		
28	6	JMC710005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0			BB	Không		
29	6	BCE731008	Kỹ thuật và công nghệ xây dựng	3	45	45	0			BB	Không		
30	6	BCE721022	Kết cấu thép	2	30	30	0			BB	Không		
31	6	CMA731003	Kinh tế xây dựng	3	45	45	0			BB			ECO721003
32	7	ARP721009	Hệ thống kỹ thuật đô thị và công trình	3	45	45	0			BB	Không		
33	7	CMA731004	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	3	45	45	0			BB	Không		
34	7	CMA731013	Định mức kỹ thuật xây dựng	3	45	45	0			BB	Không		
35	7	CMA731015	Đo bóc khối lượng xây dựng công trình và bài tập lớn	4	75	45	30			BB			ARP721030 BCE731008
36	8	BCE731030	Tổ chức thi công xây dựng	3	45	45	0			BB	Không		
37	8	CMA731005	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	3	45	45	0			BB	Không		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
38	8	CMA731007	Kinh tế đầu tư	3	45	45	0			BB			
39	8	CMA731009	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng	2	30	30	0			BB	Không		
40	8	CMA731011	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	3	45	45	0			BB			CMA731004
41	9	CMA731006	Đấu thầu trong xây dựng	2	30	30	0			BB	Không		
42	9	CMA731010	Thống kê và phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp xây dựng	4	60	60	0			BB	Không	CMA731004	
43	9	CMA731008	Đồ án kinh tế đầu tư	3	60	30	30			BB			CMA731007
44	9	BCE731031	Đồ án tổ chức thi công xây dựng	2	45	15	30			BB			BCE731030
45	9	—	Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 4 học phần sau)	2	-	-	-			TC	Không		
		ARP731004	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	30	0			TC			Anh văn 5
		CMA731024	Kỹ năng đàm phán và thuyết trình	2	30	30	0			TC	Không		
		ARP721029	Thiết kế bền vững và môi trường xanh	2	30	30	0			TC	Không		
		CMA731025	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	2	30	30	0			TC	Không		
46	10	BCE710002	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30	30	0			BB	Không		
47	10	ARP732041	Kinh tế và quản lý bất động sản	3	45	45	0			BB	Không		
48	10	CMA731016	Định giá xây dựng	3	45	45	0			BB			CMA731013
49	10	CMA731019	Quản lý dự án xây dựng	2	30	30	0			BB	Không		
50	10	CMA731021	Công nghệ số và ứng dụng BIM trong kinh tế xây dựng	4	90	30	60			BB	Không		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
Tổng học kỳ 10				**14**									
51	11	ARP732005	Định giá bất động sản	3	45	45	0			BB			ARP732041
52	11	CMA731017	Đồ án lập dự toán xây dựng công trình	2	45	15	30			BB			CMA731016
53	11	CMA731018	Đồ án lập giá dự thầu	2	45	15	30			BB			CMA731016
54	11	CMA741001	Thực hành nghề nghiệp	6	165	15	150			BB			
55	11	—	Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần sau)	2	-	-	-			TC			
		ARP732042	Marketing và kinh doanh bất động sản	2	30	30	0			TC	Không		
		ARP732045	Chuyển đổi số trong kinh doanh bất động sản	2	30	30	0			TC	Không		
		ARP721025	Quản lý hồ sơ số và thiết lập Portfolio	2	30	30	0			TC	Không		
56	12	CMA751001	Đồ án tốt nghiệp	12	360	0	360			BB			Hoàn thành các học phần chuyên ngành
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA				**155**									

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác – Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Toán cao cấp	3	Toán cao cấp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về đại số tuyến tính, giải tích một biến, giải tích nhiều biến và tối ưu có ràng buộc. Học phần giúp người học giải thích các khái niệm, định lý và phương pháp cơ bản; áp dụng ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, đạo hàm, tích phân, đạo hàm riêng và phương pháp nhân tử Lagrange để giải các bài toán

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			định lượng cơ bản. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng công cụ tính toán và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
7	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	Xác suất và Thống kê ứng dụng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, Công nghệ thông tin, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về bộ công cụ phân tích dữ liệu thực tiễn và tư duy ra quyết định dựa trên dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được bản chất của công thức Bayes, các đại lượng đặc trưng của các phân phối xác suất và logic của suy diễn thống kê. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng phần mềm Excel và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
8	Pháp luật đại cương	2	Cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
9	Anh văn 1	3	Anh văn 1 (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần giúp người học

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở trình độ A1; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết trình bày thông tin cá nhân; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV2 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
10	Anh văn 2	3	Anh văn 2 (AV2) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV3 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
11	Anh văn 3	3	Anh văn 3 (AV3) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói – viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV4 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
12	Anh văn 4		Anh văn 4 (AV4) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu, tóm tắt nội dung chính và chi tiết của văn bản, hội thoại; kỹ năng nói – viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
13	Anh văn 5	3	Anh văn 5 (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu, phân tích văn bản, hội thoại có cấu trúc phức tạp; kỹ năng nói – viết trình bày, xử lý tình huống và viết báo cáo, bài luận; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của chương trình, phục vụ học tập chuyên ngành và tham gia các kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
14	Kỹ năng số	2	Trang bị kiến thức nền tảng về máy tính, hệ điều hành, mạng Internet và ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) cùng các ứng dụng lưu trữ, làm việc nhóm trực tuyến. Học phần hướng dẫn cách tìm kiếm, đánh giá, quản lý dữ liệu an toàn và khai thác hiệu quả các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công việc. Bên cạnh đó, môn học nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân,

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			quyền riêng tư và tuân thủ đạo đức, pháp luật trên môi trường số. Cuối cùng, sinh viên được trang bị tư duy công nghệ và năng lực tự học để thích ứng tốt với sự phát triển liên tục của chuyển đổi số.
15	Khám phá AI	2	Học phần "Khám phá AI" củng cố và phát triển năng lực số của sinh viên trên nền tảng học phần "Kỹ năng số", giúp sinh viên vận dụng kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh để tương tác,kiểm chứng và sử dụng AI trong học tập, công việc và phát triển sản phẩm số. Thông qua các nhiệm vụ thực hành, hoạt động e-learning có hướng dẫn và portfolio học tập, sinh viên áp dụng kỹ thuậtprompting, phân tích đầu ra AI, nhận diện khả năng, giới hạn và rủi ro của AI, đồng thời phát triển năng lực kiểm chứng thông tin, tư duy phản biện và phản tư về quá trình sử dụng AI. Học phần cũng hướng đến việc hình thành thái độ sử dụng AI có trách nhiệm, tuân thủ liêm chính học thuật, bản quyền, quyền riêng tư và an toàn dữ liệu khi sử dụng công nghệ số.
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Trang bị tư duy logic, quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học từ xác định vấn đề, tổng quan tài liệu đến lựa chọn phương pháp nghiên cứu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu, trích dẫn tài liệu chuẩn xác và trình bày báo cáo/đồ án khoa học một cách chuyên nghiệp
17	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	Trang bị kiến thức cơ bản về tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, xây dựng mô hình kinh doanh và phát triển ý tưởng, góp phần hình thành năng lực đổi mới và thích ứng với môi trường nghề nghiệp.
18	Giáo dục quốc phòng và an ninh	11	Nội dung theo chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định
19	Giáo dục thể chất	3	Lý thuyết nền tảng và thực hành kỹ năng thể thao, nhằm rèn luyện sức khỏe và phát triển thể lực toàn diện
20	Hình họa và vẽ kỹ thuật	3	Cung cấp phương pháp thành lập bản vẽ thẳng góc, biểu diễn vật thể 3 chiều lên mặt phẳng để phục vụ các môn học kỹ thuật.

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
21	Cấu tạo kiến trúc và bài tập lớn	3	Phần lý thuyết đề cập tới đầy đủ các bộ phận của một công trình kiến trúc như: móng, nền móng, hệ khung (cột- dầm), sàn, tường- vách ngăn, cầu thang, cửa, mái, các khu vực phụ trợ như bếp, khu vệ sinh, hè, rãnh, bể nước, bể phốt... về chi tiết cấu tạo và quy cách vật liệu. Qua đó, sinh viên đã có cách nhìn tổng thể về công trình, có thể đọc, hiểu bản vẽ cũng như tự thiết kế về phần kiến trúc một công trình hoàn chỉnh. Phần bài tập, sinh viên thực hành vẽ- bổ các chi tiết cấu tạo từng bộ phận, thể hiện các chi tiết liên kết giữa các bộ phận của một công trình, thể hiện chính xác vật liệu được sử dụng cho từng bộ phần cấu tạo nên công trình.
22	Hệ thống kỹ thuật đô thị và công trình	3	Các hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị và công trình (cấp thoát nước, điện, thông gió...) liên quan đến tổ chức thi công. dự toán, dự thầu, thanh toán
23	Cơ học công trình xây dựng	3	Kiến thức cơ bản về cơ học công trình và phương pháp phân tích sự làm việc của cấu kiện, hệ kết cấu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng xác định lực, phản lực liên kết, nội lực và ứng suất; khảo sát biểu đồ nội lực và chuyển vị của các hệ thanh phẳng chịu tác dụng của tải trọng tĩnh và di động. Nội dung học phần là cơ sở để sinh viên tiếp thu kiến thức ở các môn học sau như Bê tông cốt thép, Kết cấu thép.
24	Kinh tế học đại cương	3	Kinh tế học là học phần kết hợp một số kiến thức cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, giúp sinh viên làm quen với cách tức tư duy như một nhà kinh tế học, có khả năng hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề đầy kinh tế đơn giản. Với các kiến thức cơ bản về cung – cầu, tác động của việc đánh thuế đến thị trường và các chỉ tiêu cơ bản của nền kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, lạm phát, thất nghiệp, sinh viên có sự hiểu biết đủ hơn về cơ chế vận hành của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô.
25	Địa chất và nền móng công trình	3	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về địa chất công trình (hiểu một số vấn đề chung về địa chất công trình, Khoáng vật và đất đá; Các tính chất vật lý và cơ học của đất đá; Cách phân loại đất đá trong xây

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			dựng; Công tác khảo sát địa chất công trình phục vụ trong lĩnh vực xây dựng); Phân tích và thiết kế nền móng công trình (hiểu một số vấn đề chung về nền móng công trình, phân tích thiết kế móng nông, xây dựng công trình trên nền đất yếu, phân tích và thiết kế móng cọc).
26	Vật liệu xây dựng	2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các tính chất cơ lý chung của tất cả các loại vật liệu, mỗi chỉ tiêu trình bày: khái niệm, công thức xác định, phương pháp xác đinh, yếu tố ảnh hưởng, ý nghĩa. Giới thiệu một số loại vật liệu phổ biến trong xây dựng: chất kết dính, bê tông, vữa, gạch, .. … mỗi loại vật liệu sẽ cho ta biết nguyên liệu chế tạo, công nghệ chế tạo, tính chất cơ bản của từng loại vật liệu đó. Người học biết cách lựa chọn và sử dụng vật liệu cho các công trình xây dựng khác nhau để đạt được yêu cầu về kinh tế và kỹ thuật.
27	Máy và thiết bị thi công xây dựng	2	Cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý làm việc máy và các chủng loại máy trong thi công xây lắp, Tính toán năng suất của từng loại máy, xây dựng và sử dụng được bảng tính năng cho từng loại máy. Xác định công suất mày và thiết bị xây dựng áp dụng vào từng công trình thực tiễn đáp ứng được tiến độ xây dựng, chất lượng công trình và an toàn lao động.
28	Mô hình toán kinh tế	2	Các phương pháp xây dựng mô hình Toán kinh tế từ thực tiễn quản lý kinh tế; các phương pháp tối ưu ứng dụng trong phân tích, dự báo và ra quyết định trong kinh tế xây dựng .
29	Kỹ thuật và công nghệ xây dựng	3	Trang bị kiến thức cơ bản về kỹ thuật và công nghệ thi công xây dựng, tính toán các cấu kiện công trình, lập biện pháp thi công trong hồ sơ đấu thầu, dự thầu xây dựng, tính toán chi tiết các loại cốp pha, giáo chống an toàn cho quá trình xây lắp. Đảm bảo an toàn lao động, chất lượng cấu kiện và thời gian tiến độ công trình dân dụng, công nghiệp, cao tầng và các công trình đặc biệt. Giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể chỉ đạo trực tiếp quá trình thi công ở công trường xây dựng.

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
30	Kết cấu bê tông cốt thép và bài tập lớn	4	Bản chất của vật liệu bêtông cốt thép, sự làm việc chung giữa bêtông và cốt thép, cung cấp cho người học từ việc Bố trí, sắp xếp, lựa chọn sơ bộ kích thước tiết diện, lựa chọn vật liệu cho các cấu kiện cơ bản bằng bê tông cốt thép như cấu kiện chịu uốn (Dầm, sàn), cấu kiện chịu nén uốn (cột, vách, lõi); liên kết các cấu kiện và các nguyên lý về cấu tạo bê tông cốt thép, cách thể hiện, cách đọc bản vẽ xây dựng về bê tông cốt thép. Bài tập lớn thực hiện thiết kế sơ bộ hệ kết cấu cho 01 công trình bằng bê tông cốt thép từ việc đưa ra giải pháp kết cấu phù hợp, thiết lập các mặt bằng kết cấu, lựa chọn vật liệu, lựa chọn sơ bộ kích thước tiết diện các cấu kiện, cũng như các nguyên lý về cấu tạo bê tông cốt thép, cách thể hiện bản vẽ xây dựng về bê tông cốt thép. Thông qua việc thực hiện bài tập thực hành, người học được thực hành kỹ năng phân tích kết cấu các cấu kiện cho công trình sử dụng kết cấu BTCT thực tế nơi đang sống, làm việc, học tập.
31	Kết cấu thép	2	Kiến thức cơ bản về kết cấu thép, vật liệu thép trong kết cấu thép xây dựng: Nguyên lý cấu tạo của các loại liên kết: hàn, bu lông, đinh tán; Hình dạng tiết diện và nguyên tắc cấu tạo của các cấu kiện cơ bản bằng thép như: Cột thép, dầm thép, sàn thép, dàn thép; Quy cách thể hiện bản vẽ, cách đọc bản vẽ kết cấu thép xây dựng. bóc tách được khối lượng của các công trình bằng thép.
32	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	Nội dung cơ bản của các quy định pháp luật về hoạt động đầu tư, về đất đai, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng và trọng tâm là các quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lựa chọn nhà thầu trong xây dựng và hợp đồng xây dựng.
33	Kinh tế xây dựng	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về quản lý nhà nước về xây dựng, những vấn đề kinh tế - kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng, vốn, lao động, giá thành và chi phí trong doanh nghiệp xây dựng.
34	Tổ chức thi công xây dựng	3	Nội dung học phần gồm:

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			- Tổng quan về tổ chức xây dựng; cơ sở lý luận về lập tiến độ thi công, - Cơ sở lý luận và các yêu cầu về tổ chức các quá trình xây dựng, tổ chức thi công hạng mục công trình. - Cơ sở lý luận và các yêu cầu về tổ chức thi công công trình gồm nhiều hạng mục - Tổ chức mặt bằng thi công và xác lập các yếu tố đảm bảo hậu cần thi công - Nội dung và yêu cầu tổ chức công trường xây dựng; nội dung và yêu cầu quản lý thực hiện tiến độ trên công trường xây dựng
35	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	3	Học phần Tài chính doanh nghiệp xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận và thực tế cơ bản về nguyên lý tài chính và tài chính doanh nghiệp xây dựng. Phần I: Thuộc lĩnh vực lý luận cơ sở về tài chính. Phần II: Thuộc lĩnh vực nghiệp vụ về tài chính. Trong phần I, sinh viên sẽ hiểu được khái quát về nguyên lý tài chính thông qua nghiên cứu bản chất, chức năng của tài chính; tổng quan về hệ thống tài chính, chính sách tài chính quốc gia, các tụ điểm (hay các khâu) của hệ thống tài chính và mối quan hệ giữa chúng; tổng quan về thị trường tài chính, các bộ phận của thị trường tài chính và hàng hóa của thị trường chứng khoán. Trong phần II, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp xây dựng thông qua nghiên cứu tổ chức và hoạch định tài chính doanh nghiệp; tổng quan về vốn kinh doanh của doanh nghiệp và những nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp xây dựng nói riêng; những nội dung liên quan đến chi phí, doanh thu và thu nhập khác, cùng lợi nhuận của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức tài chính trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng.
36	Kinh tế đầu tư	3	Trang bị các kiến thức và kỹ năng nhận diện vấn đề và ra quyết định giải quyết các bài toán kinh tế - kỹ thuật và kinh tế đầu tư; phương pháp phân tích, đánh giá, so sánh lựa chọn phương án đầu tư theo các

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			chỉ tiêu hiệu quả tổng hợp về tài chính, kinh tế - xã hội. Sinh viên sẽ biết vận dụng các kỹ năng phân tích, đánh giá và so sánh lựa chọn phương án đầu tư trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng.
37	Đo bóc khối lượng xây dựng công trình và bài tập lớn	4	Kiến thức về đọc hiểu bản vẽ thiết kế xây dựng; hệ thống định mức dự toán xây dựng, cách tra và áp dụng định mức; hướng dẫn phương pháp đo bóc khối lượng xây dựng công trình để lập bảng chi tiết khối lượng công tác xây dựng và bàng tổng hợp khối lượng xây dựng. Cập nhật quy định pháp lý về xác định khối lượng từ mô hình BIM, phần mềm và các công cụ số. Bài tập lớn vận dụng kiến thức vào thực hành tính khối lượng các công tác chủ yếu của công trình dân dụng hoặc công nghiệp bước thiết kế bản vẽ thi công.
38	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	3	Kiến thức chung về quản trị doanh nghiệp được vận dụng vào doanh nghiệp xây dựng phù hợp với những đặc điểm đặc thù của doanh nghiệp xây dựng. Nội dung gồm: Một số vấn đề chung về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; Định hướng chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng; Tổ chức quản lý doanh nghiệp xây dựng; Quản trị các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp xây dựng.
39	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng	2	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng. Nội dung bao gồm: Những vấn đề chung về lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng gồm: Khái niệm, tầm quan trọng, các nguyên tắc lập và phân loại kế hoạch sản xuất kinh doanh; Các bộ phận của kế hoạch sản xuất kinh doanh; Các phương pháp chủ yếu sử dụng trong lập kế hoạch; Cơ sở để lập kế hoạch trong doanh nghiệp; Trình tự lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; Lập các loại kế hoạch chủ yếu trong doanh nghiệp xây dựng như kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung ứng nguồn lực (vật tư, máy móc, nhân lực) và kế hoạch giá thành. Cung cấp cho người học khả năng tư duy, kỹ năng lập kế hoạch, kiểm soát nguồn lực, cũng như áp dụng các mô hình và phương pháp tính toán trong quản lý vật tư, cơ giới hóa và nhân lực.

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
40	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	3	Kiến thức lý luận, kiến thức thực tế về nguyên lý kế toán và kế toán doanh nghiệp xây dựng, tạo điều kiện cho sinh viên biết vận dụng có kết quả những kiến thức được học trong công tác kế toán thực tế tại các doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, cũng như công tác nghiên cứu sau khi tốt nghiệp. Môn học có 2 phần: Phần I: Thuộc lĩnh vực lý luận cơ sở về kế toán. Phần II: Thuộc lĩnh vực nghiệp vụ về kế toán.
41	Đấu thầu trong xây dựng	2	Học phần Đấu thầu trong xây dựng cung cấp cho sinh viên các kiến thức về một số vấn đề chung về đấu thầu trong xây dựng: Chuẩn bị đấu thầu; Tổ chức đấu thầu; đánh giá và trình duyệt hồ sơ dự thầu; kết thúc đấu thầu và tổ chức những loại hình đấu thầu đặc thù....Từ đó giúp sinh viên hiểu biết, phân tích và vận dụng vào hoạt động quản lý lựa chọn nhà thầu xây dựng của chủ đầu tư, lập hồ sơ dự thầu của nhà thầu xây lắp.
42	Thống kê và phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp xây dựng	4	Khối kiến thức về thống kê gồm những vấn đề lý luận chung về thống kê học và các phương pháp thống kê, nghiên cứu hiện tượng kinh tế - xã hội như các để thống kê hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng như thống kê kết quả sản xuất, thống kê lao động, thống kê tài sản cố định, thống kê vật liệu xây dựng và thống kê giá thành sản phẩm xây dựng. Khối kiến thức cơ bản và nghiệp vụ phân tích kinh tế các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng. Sinh viên cần nắm vững mối quan hệ giữa phân tích và kế toán, thống kê doanh nghiệp xây dựng để sử dụng tốt các thông tin kinh tế doanh nghiệp trong quá trình phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp xây dựng.
43	Định mức kỹ thuật xây dựng	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về định mức kỹ thuật xây dựng: Khái niệm, các phương pháp lập định mức kỹ thuật xây dựng, các kỹ năng lập định mức của từng yếu tố sản xuất xây dựng: định mức vật tư, định mức lao động và định mức thời gian sử dụng máy, thiết bị xây dựng. Bài tập

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			vận dụng kiến thức để thiết kế định mức lao động hoặc định mức thời gian sử dụng máy bằng phương pháp quan sát thực tế tại hiện trường.
44	Kinh tế và quản lý bất động sản	3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về kinh tế và quản lý bất động sản, cấu trúc theo hai khối kiến thức. Khối kiến thức kinh tế bất động sản cung cấp các khái niệm, đặc điểm và phân loại bất động sản; cơ chế cung - cầu và quy luật vận động của thị trường bất động sản; phương pháp phân tích dự án đầu tư và định giá bất động sản. Khối kiến thức về quản lý bất động sản trang bị cơ sở khoa học và tổ chức công tác quản lý nhà nước về bất động sản (pháp luật, thuế, quản lý nguồn thu ngân sách, quản lý bất động sản thuộc sở hữu nhà nước), và quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư bất động sản.
45	Định giá xây dựng	3	Học phần trang kiến thức chung về định giá, và đi sâu vào phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình, là chỉ tiêu chi phí trọng yếu của chủ đầu tư và lập giá dự thầu gói thầu thi công xây dựng – chỉ tiêu chi phí của nhà thầu.
46	Quản lý dự án xây dựng	2	Học phần trang bị kiến thức chung về quản lý dự án, và áp dụng vào dự án đầu tư xây dựng công trình, nhằm đảm bảo dự án hoàn thành đúng tiến độ, trong phạm vi ngân sách được duyệt và đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Trang bị các kiến thức, kỹ năng, công cụ và kỹ thuật phù hợp để thực hiện một số nội dung quản lý chính : quản lý phạm vi, tiến độ, chi phí, chất lượng, rủi ro..
47	Công nghệ số và ứng dụng BIM trong kinh tế xây dựng	4	Ứng dụng công nghệ số, các công cụ số, phần mềm ứng dụng, khai thức dữ liệu số và mô hình thông tin công trình (BIM) trong lập và quản lý khối lượng, chi phí, tiến độ, nguồn lực đầu tư xây dựng.
48	Định giá bất động sản	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị của bất động sản. Nội dung môn học bao gồm các khái niệm cơ bản về giá trị và giá bất động sản, các yếu tố ảnh hưởng đến

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			giá trị bất động sản và vai trò của định giá trong thị trường bất động sản. Học phần trình bày các phương pháp định giá phổ biến như phương pháp so sánh, phương pháp chi phí và phương pháp thu nhập. Đồng thời, môn học cũng đề cập đến quy trình định giá và các quy định pháp lý liên quan. Qua đó giúp người học có khả năng nhận biết và vận dụng các phương pháp cơ bản trong định giá bất động sản.
49	Học phần tự chọn 1	2	Chọn 01 trong 04 học phần thuộc danh mục học phần tự chọn 1
50	Học phần tự chọn 2	2	Chọn 01 trong 03 học phần thuộc danh mục học phần tự chọn 2
51	Đồ án kinh tế đầu tư	3	Học phần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau: + Xác định các yếu tố đầu vào (Tổng mức đầu tư của dự án; Tuổi thọ / Thời gian vận hành của dự án; Chi phí sản xuất- kinh doanh của dự án trong các năm vận hành; Dự trù doanh thu cho dự án) + Phân tích tài chính dự án đầu tư (Dự trù lãi, lỗ trong sản xuất kinh doanh; Phân tích tính đáng giá của dự án; Phân tích độ an toàn tài chính; Phân tích độ nhạy của dự án) + Phân tích hiệu quả kinh tế- xã hội của dự án đầu tư (Giá trị sản phẩm gia tăng do dự án tạo ra; Mức thu hút lao động vào làm việc; Mức đóng góp của dự án vào ngân sách; Thu nhập ngoại tệ; Thu nhập của người lao động làm việc trong dự án; Các lợi ích và ảnh hưởng khác)
52	Đồ án lập dự toán xây dựng công trình	2	Đồ án thực hành lập dự toán xây dựng công trình trên phần mềm dự toán, lập thuyết minh dự toán, bố cục bảng biểu. xác định các thành phần chi phí theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Học phần cũng giúp sinh viên tăng cường kỹ năng số, khả năng trình bày, bảo vệ quản điểm chuyên môn.
53	Đồ án lập giá dự thầu	2	Vận dụng các kiến thức được học để xác định giá dự thầu gói thầu thi công xây dựng, trình bày bảng biểu tính toán theo yêu cầu thực tế tại thị trường xây dựng và quy định của pháp luật hiện hành tại Việt

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			Nam. Đồng thời giúp sinh viên tăng cường kỹ năng cập nhật văn bản pháp quy, nguồn số liệu tính toán, kỹ trình bày văn bản, tư duy phản biện, khả năng giải thích, bảo vệ quan điểm chuyên môn của cá nhân.
54	Đồ án tổ chức thi công xây dựng	2	Đồ án thực hành lập biện pháp và tổ chức thi công nhằm bồi dưỡng kiến thức và năng lực thực hành cho sinh viên về về thiết kế thi công và lập hồ sơ tổ chức thi công công trình (cho một hạng mục công trình công nghiệp hoặc dân dụng độc lập), bao gồm: tổ chức thi công, phương pháp thi công, phương pháp lập và quản lý kế hoạch tiến độ thi công, quản lý cung ứng nguồn tài nguyên (vật tư, thiết bị, lao động,...), thiết kế tổng mặt bằng thi công.
55	Thực hành nghề nghiệp	6	Thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thực tế cho người học, với các nội dung như sau: + Tìm hiểu tình hình chung của doanh nghiệp, đơn vị đến thực tập + Tìm hiểu tình hình hoạt động của Phòng, Ban, Trung tâm,... của doanh nghiệp, đơn vị thực tập + Tham gia các thực hành hoạt động chuyên môn phù hợp + Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.
56	Đồ án tốt nghiệp	12	Sinh viên thực hiện đồ án tốt nghiệp với đề tài đồ án và nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp được giao dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Thông qua đồ án tốt nghiệp, người học tổng hợp được các kiến thức chuyên ngành đã được trang bị và vận dụng vào giải quyết các vấn đề thường gặp trong thực tiễn sau khi tốt nghiệp, rèn kỹ năng lập kế hoạch, tư duy phân tích, nhận định, đề xuất giải pháp, trình bày quan điểm và bảo vệ quan điểm chuyên môn. Quy mô và nội dung đồ án tốt nghiệp được xác định trên cơ sở nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp được giao và đề cương đồ án chung của Khoa phù hợp với từng dạng đề tài đồ án. Một số dạng đề tài chủ yếu gồm: Lập hồ sơ dự thầu gói thầu thi công xây dựng; Lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Thiết kế tổ chức thi công xây dựng công trình...

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
	CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN		
	Các học phần tự chọn 1		
57	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Trang bị vốn từ vựng, thuật ngữ và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành Kinh tế và quản lý xây dựng; giúp sinh viên đọc hiểu tài liệu, giao tiếp và khai thác thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.
58	Kỹ năng đàm phán và thuyết trình	2	Cung cấp các nội dung cơ bản về kỹ năng giao tiếp nói chung, Tổng quan về thuyết trình. Nghệ thuật thu hút sự chú ý của người nghe. Học phần còn cung cấp cho sinh viên lý thuyết cơ bản liên quan tới hoạt động đàm phán trong kinh doanh: Khái niệm đàm phán; Các yếu tố hưởng đến quá trình đàm phán; Các kiểu đàm phán; Kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh; Đàm phán kinh doanh đối tác quốc tế.
59	Thiết kế bền vững và môi trường xanh	2	Cung cấp kiến thức về nguyên lý thiết kế bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường trong xây dựng, hướng tới phát triển công trình xanh và phát triển bền vững.
60	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	2	Kiến thức cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư xây dựng công trình, cở sở hạ tầng theo phương thức đối tác công tư, gồm 05 khối kiến thức: Một số vấn đề chung về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; chuẩn bị dự án và quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP và công bố thông tin dự án PPP; lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP; hoàn thành, chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và chấm dứt hợp đồng dự án PPP.
	Các học phần tự chọn 2		
61	Marketing và kinh doanh bất động sản	2	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về marketing và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Về marketing, tập trung vào phân tích thị trường, phân tích khách hàng và đối thủ cạnh tranh, làm cơ sở xác định phân khúc thị trường tiềm năng, lựa chọn kênh phân phối và xây dựng các chương trình

TT	Tên môn học/ học phần	TC	Nội dung
			hỗ trợ tiêu thụ phù hợp. Về kinh doanh, học phần trang bị kiến thức về đặc điểm và nguyên tắc trong kinh doanh bất động sản, kỹ năng nhận định, đánh giá cơ hội và lựa chọn chiến lược kinh doanh phù hợp với từng phân khúc thị trường.
62	Chuyển đổi số trong kinh doanh bất động sản	2	Học phần trang bị nội dung kiến thức gồm khái niệm, đặc điểm và vai trò của chuyển đổi số trong lĩnh vực bất động sản. Ba nhóm công nghệ ứng dụng chính: công nghệ tài chính bất động sản (Real Estate FinTech) hỗ trợ thanh toán, đầu tư và cấp vốn; bất động sản thông minh (Smart Real Estate) tích hợp IoT và trí tuệ nhân tạo trong quản lý vận hành, an ninh, năng lượng; và mô hình kinh tế chia sẻ (Sharing Economy) trong khai thác, sử dụng bất động sản. Học phần phân tích tác động của chuyển đổi số đến quy trình tiếp cận khách hàng, giao dịch và quản lý danh mục trong kinh doanh bất động sản. Học phần cập nhật thực trạng, xu hướng phát triển và những rào cản khi ứng dụng Proptech tại thị trường Việt Nam.
63	Quản lý hồ sơ số và thiết lập Portfolio	2	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng lập, quản lý hồ sơ xây dựng dưới dạng số; tổ chức, lưu trữ và khai thác tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, thi công, quản lý chi phí. Đồng thời hướng dẫn thiết lập Portfolio cá nhân, trình bày năng lực chuyên môn phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB. GV. NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và Cách mạng công nghiệp 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 10 Tháng 8 năm 2026

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương

TRƯỞNG KHOA

TS. KTS Nguyễn Quốc Tuân